

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness

Số/No: 320 /BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng Quý 1 năm 2026
Explanation of the separate FS
of 1st quarter of 2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2026
Ho Chi Minh City, April 22 2026

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange

Tên tổ chức : Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : SAB
Security symbol : SAB
Địa chỉ : 187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TPHCM
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Thông tư 18/2025/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2026 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No. 96/2020/TT-BTC and Circular No. 18/2025/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 1st quarter 2026 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	Quarter 1		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2026	2025		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	9,567,837,933,169	8,556,984,267,756	1,010,853,665,413	12%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	12,191,454,159		12,191,454,159	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	9,555,646,479,010	8,556,984,267,756	998,662,211,254	12%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	8,019,968,737,369	7,301,474,061,926	718,494,675,443	10%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	1,535,677,741,641	1,255,510,205,830	280,167,535,811	22%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	559,630,751,825	759,952,224,857	(200,321,473,032)	-26%
7. Chi phí tài chính/Financial expenses	35,549,460,580	202,301,046,590	(166,751,586,010)	-82%
8. Chi phí bán hàng/Selling expenses	750,918,734,083	776,058,915,668	(25,140,181,585)	-3%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/General and administration expenses	111,273,196,342	120,903,781,299	(9,630,584,957)	-8%

10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Net operating profit	1,197,567,102,461	916,198,687,130	281,368,415,331	31%
11. Thu nhập khác/Other income	5,506,116,900	162,408,467	5,343,708,433	3290%
12. Chi phí khác/Other expenses	4,190,072,925	708,314,191	3,481,758,734	492%
13. Lợi nhuận khác /Results of other activities	1,316,043,975	(545,905,724)	1,861,949,699	-341%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/Accounting profit before tax	1,198,883,146,436	915,652,781,406	283,230,365,030	31%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/Income tax expense – current	145,842,580,889	49,534,943,329	96,307,637,560	194%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại/Income tax expense/(benefit) – deferred	42,889,438,956	28,682,421,335	14,207,017,621	50%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/Net profit after tax	1,010,151,126,591	837,435,416,742	172,715,709,849	21%

Doanh thu thuần cao hơn cùng kỳ là kết quả của sản lượng tăng do thời điểm Tết khác nhau (Tết năm 2025 vào cuối tháng 1 trong khi Tết năm 2026 vào giữa tháng 2) và tác động của đợt tăng giá có hiệu lực từ tháng 07/2025. Lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế cao hơn cùng kỳ, lần lượt nhờ vào doanh thu bán hàng cao hơn, chi phí malt, gạo thuận lợi, cùng với việc tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý và chi phí tài chính.

Net sales were higher than the previous year was the result of increased volume due to TET timing (late Jan 2025 vs. mid-Feb 2026) and the impact of the price increase effective from Jul-25. Both gross profit and profit after tax were higher than last year, driven respectively by higher sales revenue, favorable malt and rice costs, supported by lower-selling, G&A, and financial expenses.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2026 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 1st quarter 2026.

Trân trọng./.
Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- CTHĐQT / Chairman;
- Lưu: VT/ Save at the Office.



TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR *ad*

2/14
Tan Teck Chuan Lester